

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH YÊN BÁI**

Số: 2204/QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Yên Bái, ngày 01 tháng 12 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Kế hoạch Cấp nước an toàn của hệ thống cấp nước sạch do Công ty cổ phần Cấp nước và Xây dựng Yên Bái quản lý trên địa bàn thành phố Yên Bái, thị trấn Yên Bình, huyện Yên Bình (giai đoạn 2023-2025)

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH YÊN BÁI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11/7/2007 của Chính phủ về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch; Nghị định số 124/2011/NĐ-CP ngày 28/12/2011 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11/7/2007 của Chính phủ về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch;

Căn cứ Quyết định số 1566/QĐ-TTg ngày 09/8/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình Quốc gia bảo đảm cấp nước an toàn giai đoạn 2016-2025;

Căn cứ Chỉ thị số 34/CT-TTg ngày 28/8/2020 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường công tác quản lý hoạt động sản xuất, kinh doanh nước sạch, bảo đảm cấp nước an toàn, liên tục;

Căn cứ Thông tư số 08/2012/TT-BXD ngày 21/11/2012 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn thực hiện bảo đảm cấp nước an toàn;

Căn cứ Kế hoạch số 138/KH-UBND ngày 29/6/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái Cấp nước an toàn, chống thất thoát, thất thu nước sạch trên địa bàn tỉnh Yên Bái giai đoạn 2021-2025;

Xét đề nghị của Công ty cổ phần Cấp nước và Xây dựng Yên Bái tại Tờ trình số 173/T.Tr-CN ngày 27/10/2023; đề nghị của Sở Xây dựng tại Báo cáo thẩm định số 2664/BC-SXD ngày 08/11/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kèm theo Quyết định này Kế hoạch Cấp nước an toàn của hệ thống cấp nước sạch do Công ty cổ phần Cấp nước và Xây dựng Yên Bái quản lý trên địa bàn thành phố Yên Bái, thị trấn Yên Bình, huyện Yên Bình (giai đoạn 2023 - 2025).

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao cho Sở Xây dựng hướng dẫn, đôn đốc, giám sát Công ty cổ phần Cấp nước và Xây dựng Yên Bái tổ chức thực hiện theo Kế hoạch được duyệt. Trường hợp có nội dung điều chỉnh, bổ sung để phù hợp với điều kiện thực tế sử dụng nước thì kịp thời tham mưu, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định để tổ chức thực hiện.

2. Công ty cổ phần Cấp nước và Xây dựng Yên Bái và các đơn vị liên quan căn cứ Kế hoạch được duyệt tổ chức thực hiện; kiểm tra, rà soát, gửi báo cáo tình hình triển khai Kế hoạch cấp nước an toàn (đợt xuất khi được yêu cầu) và theo định kỳ 6 tháng (trước ngày 15/6 và trước ngày 15/12) về Thường trực Ban Chỉ đạo cấp nước an toàn và chống thất thoát, thất thu nước sạch tỉnh (Sở Xây dựng) theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các cơ quan: Sở Xây dựng, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Y tế; Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Yên Bái; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Yên Bình; các thành viên Ban Chỉ đạo cấp nước an toàn và chống thất thoát, thất thu nước sạch tỉnh; Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cấp nước và Xây dựng Yên Bái và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận: *mu*

- Như Điều 3;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các phó CT UBND tỉnh;
- Trung tâm điều hành thông minh;
- Phó VP.UBND tỉnh (KT);
- Lưu: VT, NN, XD. *de*

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Trần Huy Tuấn

Yên Bái, ngày tháng năm 2023

KẾ HOẠCH

Cấp nước an toàn của hệ thống cấp nước sạch do Công ty cổ phần Cấp nước và Xây dựng Yên Bái quản lý trên địa bàn thành phố Yên Bái, thị trấn Yên Bình, huyện Yên Bình (giai đoạn 2023 - 2025)

(Kèm theo Quyết định số 2284/QĐ-UBND ngày 01 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái)

I. KHÁI QUÁT CHUNG

1. Tên Kế hoạch: Kế hoạch Cấp nước an toàn của hệ thống cấp nước sạch do Công ty cổ phần Cấp nước và Xây dựng Yên Bái quản lý trên địa bàn thành phố Yên Bái, thị trấn Yên Bình, huyện Yên Bình (giai đoạn 2023-2025).

2. Đơn vị lập: Công ty cổ phần Cấp nước và Xây dựng Yên Bái.

3. Địa điểm thực hiện Kế hoạch: Địa bàn cấp nước sạch khu vực thành phố Yên Bái, thị trấn Yên Bình, huyện Yên Bình và vùng phụ cận (như xã Thịnh Hưng, huyện Yên Bình; xã Bảo Hưng, xã Minh Quân, huyện Trấn Yên).

4. Ban Cấp nước an toàn

a) Nguyên tắc hoạt động

Ban cấp nước an toàn của Công ty cổ phần Cấp nước và Xây dựng Yên Bái là tập hợp các nhân lực bao gồm Ban giám đốc, các phòng ban, phân xưởng và xí nghiệp trực thuộc Công ty được hoạt động theo nguyên tắc kiêm nhiệm.

b) Thành phần Ban Cấp nước an toàn

Gồm 09 người, trong đó: Chủ tịch HĐQT làm trưởng ban; Giám đốc làm phó Trưởng ban; Trưởng, phó các bộ phận và một số cán bộ kỹ thuật là các thành viên trong ban.

5. Mục tiêu Kế hoạch

a) Mục tiêu chung

- Đảm bảo duy trì áp lực cấp nước, cung cấp nước ổn định, đủ lượng nước yêu cầu và bảo đảm chất lượng nước sạch theo quy chuẩn quy định.

- Giảm thiểu nguy cơ và quản lý rủi ro toàn diện từ nguồn nước qua các công đoạn thu nước, xử lý, dự trữ, phân phối đến khách hàng sử dụng nước.

- Có kế hoạch đối phó với các sự cố bất ngờ có thể xảy ra nhằm đảm bảo cung cấp dịch vụ cấp nước đạt chất lượng, liên tục và hiệu quả.

- Giảm các bệnh tật qua đường nước, phòng ngừa dịch bệnh, nâng cao chất lượng cuộc sống, bảo vệ tốt hơn sức khỏe cộng đồng và góp phần phát triển kinh tế xã hội.

- Góp phần giảm tỉ lệ thất thoát, tiết kiệm tài nguyên nước và bảo vệ môi trường.

b) Mục tiêu cụ thể

- Bảo đảm duy trì áp lực cấp nước, đủ lượng nước và đảm bảo chất lượng nước sạch theo quy định tại Thông tư số 41/2018/TT-BYT ngày 14/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia và quy định kiểm tra, giám sát chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt QCVN 01-1:2018/BYT; Thông tư số 26/2021/TT-BYT ngày 15/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Y tế sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ một số điều của Thông tư số 41/2018/TT-BYT của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia và quy định kiểm tra, giám sát chất lượng nước sử dụng cho mục đích sinh hoạt; Quy chuẩn kỹ thuật địa phương QCDP 01:2022/YB ban hành kèm theo Quyết định số 23/2022/QĐ-UBND ngày 06/10/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Yên Bái.

- Cung cấp ổn định, hạn chế mức tối đa việc ngừng cấp nước, ngừng cấp nước không được quá tối đa 24 giờ.

- Đến năm 2025: Tỷ lệ dân số đô thị được cung cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung đạt 91%, với tiêu chuẩn cấp nước đạt 100-180 lít/người/ngày đêm.

- Góp phần giảm tỷ lệ thất thoát nước sạch khu vực đô thị hiện nay từ 15,7% còn 15%, tiết kiệm tài nguyên nước và bảo vệ môi trường.

II. NỘI DUNG KẾ HOẠCH

1. Đánh giá hiện trạng hoạt động của hệ thống cấp nước

a) Nguồn nước, phạm vi cấp nước, vị trí thu, xử lý, dự trữ, vận chuyển và phân phối nước

- Nguồn nước: Sử dụng nguồn nước mặt của hồ Thác Bà, huyện Yên Bình, huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái; hồ Thác Bà có nhiệm vụ phục vụ đa mục tiêu (cấp nước thủy điện, thủy lợi, nuôi trồng thủy sản, phục vụ du lịch....) đặc biệt đối với nhiệm vụ cấp nước, phòng chống lũ cho vùng hạ du lưu vực sông Hồng. Tổng công suất thiết kế của nhà máy là 16.500m³/ngày đêm.

- Phạm vi cấp nước: Cấp nước ăn uống, sinh hoạt và sản xuất cho dân cư, các cơ quan, đơn vị sản xuất công nghiệp thuộc địa bàn thành phố Yên Bái, thị trấn Yên Bình, huyện Yên Bình và vùng phụ cận (xã Thịnh Hưng, huyện Yên Bình; xã Bảo Hưng, xã Minh Quân, huyện Trấn Yên).

- Vị trí thu: Nguồn nước mặt của hồ Thác Bà, Tổ 13, thị trấn Yên Bình, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái.

- Xử lý nước bao gồm các công đoạn sau:

+ Hoà trộn hoá chất: Thường sử dụng phèn nhôm sunfat làm hoá chất keo tụ nước.

+ Lắng: Nước thô được hoà trộn với hóa chất sẽ chuyển đến ngăn lắng.

+ Lọc: Nước từ bể lắng được đưa đến bể lọc; các bể lọc thường sử dụng một lớp vật liệu lọc (cát thạch anh) hoặc hai lớp vật liệu lọc (thêm một lớp than Anthracite).

+ Khử trùng: Nước sau khi qua bể lọc sẽ được khử trùng bằng Javen 10% trước khi về bể chứa, liều lượng theo test của Phòng Kiểm tra chất lượng. Sử dụng hóa chất DPD hoặc dung dịch Octhotonidin để xác định nồng độ clo dư có trong nước.

+ Các loại hoá chất được sử dụng trong quá trình sản xuất nước: Sử dụng PAC (Poly aluminium chloride) hoặc phèn nhôm sunfat làm hoá chất keo tụ nước; sử dụng Clo hoặc javen để khử trùng.

- Dự trữ: Lượng nước dự trữ trong hệ thống tại các bể chứa làm nhiệm vụ điều hòa mạng lưới, phục vụ việc xử lý nước và dự trữ chữa cháy, tổng lượng nước dự trữ là 2.000 m³ (Bể chứa BTCT tại trạm bơm cấp II, tổ 6, thị trấn Yên Bình, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái).

- Vận chuyển và phân phối nước: Nước sạch xử lý tại trạm xử lý nhà máy nước Yên Bái - Yên Bình được hòa mạng và phân phối nước cho thành phố Yên Bái, thị trấn Yên Bình, huyện Yên Bình và vùng phụ cận. Từ trạm xử lý nước được phân phối theo các ống truyền tải cấp 1, ống cấp 2, ống cấp 3 và cuối cùng là các ống dịch vụ. Tổng chiều dài hệ thống mạng lưới đường ống truyền dẫn nước sạch L = 243.884 m.

b) Sơ đồ quy trình công nghệ hệ thống cấp nước

Trạm bơm cấp I → Bể lắng lọc kết hợp (Xử lý khử trùng bằng Javen 10%) → Bể chứa → Trạm bơm cấp II → Mạng lưới phân phối.

c) Các thông tin cơ bản về khách hàng sử dụng nước

Tổng số lượng khách hàng sử dụng nước sạch trên địa bàn tính đến thời điểm 30/9/2023 là 22.459 khách hàng, trong đó:

- Khu vực thành phố Yên Bái: Số lượng khách hàng sử dụng nước sạch là 20.960 khách hàng (gồm: Khối nhân dân: 20.063 khách hàng; Khối sản xuất: 386 khách hàng; Khối hành chính sự nghiệp: 329 khách hàng; đơn vị kinh doanh: 182 khách hàng).

- Khu vực thị trấn Yên Bình, huyện Yên Bình: Số lượng khách hàng sử dụng nước sạch là 1.198 khách hàng (gồm: Khối nhân dân: 1.074 khách hàng; Khối sản xuất: 70 khách hàng; Hành chính sự nghiệp: 47 khách hàng; Đơn vị kinh doanh: 07 khách hàng).

- Khu vực xã Thịnh Hưng, huyện Yên Bình: Số lượng khách hàng sử dụng nước sạch là 01 khách hàng (đơn vị kinh doanh).

- Khu vực xã Bảo Hưng, huyện Trấn Yên: Số lượng khách hàng sử dụng nước sạch là 279 khách hàng (gồm: Khối nhân dân: 273 khách hàng; Khối sản xuất: 06 khách hàng).

- Khu vực xã Minh quân, huyện Trấn Yên: Số lượng khách hàng sử dụng nước sạch là 21 khách hàng (gồm: Khối nhân dân: 18 khách hàng; Khối sản xuất: 02 khách hàng; Khối hành chính sự nghiệp: 01 khách hàng).

Hiện tại, nhà máy nước Yên Bái - Yên Bình đã và đang vận hành vượt 100% công suất thiết kế. Đặc biệt trong những ngày nắng nóng, ngày cận tết và thời điểm gặp sự cố trên tuyến đường ống cấp nước, ngành điện ngừng cấp điện đã xảy ra tình trạng thiếu hụt nước cục bộ trên một số khu dân cư của thành phố Yên Bái. Như cao điểm ngày 04/02/2021 sản lượng bơm ra đạt 20.530 m³/ngày đêm, trong khi đó công suất thiết kế của Công ty Cổ phần Cấp nước và Xây dựng Yên Bái 16.500 m³/ngày đêm.

2. Xác định, phân tích và đánh giá mức độ các nguy cơ, rủi ro đối với hệ thống cấp nước

a) Các nguy cơ, rủi ro từ nguồn nước, lưu vực

- Mực nước thấp do không có mưa đầu nguồn; chất lượng nước thô không ổn định do ảnh hưởng thời tiết, suy thoái nguồn nước; ô nhiễm do nước từ nước thải sinh hoạt của con người chảy xả xuống hồ; ô nhiễm từ hoạt động sản xuất nông nghiệp như trồng trọt, chăn nuôi (hóa chất bảo vệ thực vật, thuốc trừ sâu, chất thải chăn nuôi); ô nhiễm từ hoạt động sản xuất công nghiệp, rác thải, nước thải từ các khu chế xuất chưa qua xử lý hoặc xử lý chưa đạt.

- Các hiện tượng tự nhiên tác động đến môi trường nước như mưa, lũ lụt, xác cây cối sinh vật phân hủy thành chất hữu cơ ngấm vào nguồn nước.

- Ô nhiễm do khai thác khoáng sản trên sông, neo đậu tàu thuyền gần nơi thu nước.

b) Các nguy cơ rủi ro về mặt hóa học, lý học và sinh học theo qui trình công nghệ hệ thống cấp nước

- Máy châm Javen bị sự cố, mùa mưa bão bị sét đánh cháy hệ thống bảo vệ trạm, cháy động cơ do vận hành điện áp thấp, quá tải, do vận hành liên tục; hệ thống bể lọc, bể chứa quá tải do khai thác quá công suất.

- Sử dụng hóa chất không đúng định mức; công tác rửa bể chứa đúng theo qui trình; không tự kiểm soát được chất lượng đầu ra do thiết bị kiểm tra hồng đột suất; chưa bảo dưỡng kịp thời máy móc thiết bị; không kiểm soát được lượng Clo dư theo nước đầu vào.

c) Các nguy cơ, rủi ro đối với việc bảo đảm cấp nước liên tục, lưu lượng và áp lực trong mạng lưới cấp nước đến khách hàng sử dụng nước

- Mất điện lưới, điện áp thấp trong những ngày nắng nóng; mùa mưa bão bị sét đánh cháy hệ thống bảo vệ trạm; mở rộng đường bị máy múc đè làm vỡ

ống nước thô; công suất nhà máy không đủ để đáp ứng nhu cầu sử dụng; không tự kiểm soát được chất lượng đầu ra do thiết bị kiểm tra hỏng đột suất.

- Do các đơn vị thi công làm hỏng, van hỏng; khách hàng tự ý mở van lấy nước; bục vỡ đường ống, hỏng máy trạm bơm.

- Khách hàng không chấp hành đúng các quy định theo hợp đồng; mất cấp đồng hồ; không phát hiện hoặc xử lý không kịp thời sự cố bục vỡ đường ống; cấp nước không hợp lý khu vực thừa, thiếu; đường ống của nhà máy, khách hàng cũ bị rỉ sét, lão hóa gây rò rỉ nước.

d) Xác định thứ tự ưu tiên về các nguy cơ, rủi ro để đề xuất các biện pháp kiểm soát và phòng ngừa

- Ô nhiễm do hoạt động khai thác khoáng sản; chất lượng nước nguồn thay đổi; thiếu hụt nguồn nước; lưu lượng nước thô cung cấp thay đổi.

- Lắng đọng rác tại công trình thu.

- Định mức clo (javen) không chính xác; tắc ống dẫn hoá chất.

- Mức nước trong bể thay đổi; suy giảm chất lượng nước sau lắng; tốc độ nước sau lắng lớn.

- Nguồn điện không ổn định.

- Rong tảo, phát triển ở công trình thu; đóng cặn trong bể lắng.

- Nồng độ phèn, clo (javen) thay đổi.

- Ô nhiễm hữu cơ; ô nhiễm độc chất; ô nhiễm vi sinh; ô nhiễm nước từ việc chăn nuôi gia súc.

- Ô nhiễm khác.

- Hành động cố ý gây ô nhiễm.

3. Xác định các biện pháp kiểm soát, phòng ngừa, khắc phục rủi ro và lập kế hoạch triển khai áp dụng

a) Rà soát các biện pháp kiểm soát, phòng ngừa và khắc phục đang áp dụng

- Ô nhiễm thuốc bảo vệ thực vật (vào các thời vụ sản xuất): Tuyên truyền nhân dân hạn chế sử dụng thuốc bảo vệ thực vật; cấm biển cảnh báo không sử dụng thuốc bảo vệ thực vật.

- Chưa có biện pháp bảo vệ hành lang an toàn cho nguồn nước và tuyến ống (thường xuyên): Tuần tra thường xuyên các hành lang có nguy cơ bị xâm phạm; lập một số biển báo cấm cho khu vực lấy nước.

- Máy châm javen bị sự cố (1 lần/2 quý): Phân xưởng nước sạch thống kê các tình huống sự cố, tăng cường bảo dưỡng thường xuyên, mua một số vật tư dự phòng.

- Mất điện lưới (5÷10 lần/tháng): Phối hợp chặt chẽ với các công nhân điện, có kế hoạch nghỉ máy theo thông báo, sẵn sàng vận hành máy khi có điện.

- Do các đơn vị thi công làm hỏng (thường xuyên): Tăng cường công tác kiểm tra, phối hợp với Chủ đầu tư hoặc nhà thầu thi công xử lý ngay các sự cố.

- Đường ống cũ lâu ngày, chôn sâu dưới lòng đất bị rỉ sét, lão hóa gây rò rỉ nước (thường xuyên): Thông kê số lần sự cố trên các tuyến ống; kiểm tra cụ thể các tuyến ống cũ; có kế hoạch thay thế tuyến ống mới.

b) Đề xuất các biện pháp kiểm soát, phòng ngừa và khắc phục bổ sung

- Ô nhiễm thuốc bảo vệ thực vật (vào các thời vụ sản xuất): Báo cáo Sở nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các cơ quan, đơn vị có liên quan.

- Chưa có biện pháp bảo vệ hành lang an toàn cho nguồn nước và tuyến ống (thường xuyên): Chôn cọc mốc cho các tuyến ống theo thiết kế. Thông báo cho các bộ phận liên quan để giải quyết dứt điểm.

- Máy bơm javen bị sự cố (1 lần/2 quý): Thay thế bằng thiết bị dự phòng; sửa chữa khắc phục ngay thiết bị hư hỏng.

- Mất điện lưới (5÷10 lần/tháng): Có kế hoạch cấp nước bù, bổ xung.

- Đường ống cũ lâu ngày, chôn sâu dưới lòng đất bị rỉ sét, lão hóa gây rò rỉ nước (thường xuyên): Thay thế ngay tuyến ống cũ của công ty và khách hàng.

c) Lập kế hoạch triển khai áp dụng các biện pháp kiểm soát, phòng ngừa và khắc phục rủi ro

Kế hoạch triển khai áp dụng các biện pháp kiểm soát, phòng ngừa và khắc phục rủi ro được thực hiện thường xuyên, theo chu kỳ (tháng, quý, năm) theo mức độ ưu tiên.

4. Lập kế hoạch kiểm tra, đánh giá việc thực hiện các biện pháp kiểm soát, phòng ngừa và khắc phục các nguy cơ, rủi ro

Kế hoạch kiểm tra, đánh giá việc thực hiện các biện pháp kiểm soát, phòng ngừa được thực hiện thường xuyên, theo chu kỳ hàng tháng. Phân công trách nhiệm, nhiệm vụ rõ ràng tới từng cá nhân và bộ phận liên quan.

5. Lập kế hoạch, quy trình ứng phó với biến đổi xảy ra trong điều kiện vận hành có sự cố, mất kiểm soát và tình huống khẩn cấp

a) Phát hiện và thông báo sự cố

- Trách nhiệm: Xí nghiệp quản lý sản lượng; Đội chống thất thoát; Phân xưởng nước sạch; Phòng Kế hoạch – Kinh doanh; Phòng Tổ chức hành chính; Cán bộ công nhân viên trong Công ty.

- Nội dung công việc: Tiếp nhận thông tin; kiểm tra sự cố; Thông báo sự cố đến nhóm Cấp nước an toàn (nếu cần thiết).

- Khi phát hiện các biến đổi xảy ra trong điều kiện vận hành có sự cố, mất kiểm soát và tình huống khẩn cấp thì nhân viên lập tức thông báo cho lãnh đạo phòng ban, Ban Cấp nước an toàn lập đề xuất báo cáo Giám đốc để phê duyệt kế hoạch ứng phó.

b) Bảo đảm thông tin, liên lạc kịp thời, liên tục, đúng đối tượng

- Trách nhiệm: Phòng Kỹ thuật – Vật tư; Phòng Kế hoạch – Kinh doanh; Đội chống thất thoát; Phân xưởng nước sạch; Nhóm Cấp nước an toàn Công ty.

- Bảo đảm thông tin liên tục, kịp thời báo cáo các sự cố tới các cơ quan chức năng khi có sự cố xảy ra.

c) Xác định nguyên nhân sự cố

- Trách nhiệm: Phòng Kỹ thuật – Vật tư; Đội chống thất thoát; Phân xưởng nước sạch; Nhóm Cấp nước an toàn Công ty.

- Nội dung công việc: Kiểm tra chi tiết sự cố; phân tích, đánh giá nguyên nhân sự cố; lập biên bản sự cố.

d) Xác định các hành động cần thiết để ứng phó với sự cố

- Trách nhiệm: Phòng Kỹ thuật – Vật tư; Đội chống thất thoát; Phân xưởng nước sạch; Nhóm Cấp nước an toàn Công ty.

- Nội dung công việc: Đề xuất các phương án giải quyết sự cố; lập biên bản xử lý, khắc phục sự cố.

đ) Thực hiện các hành động ứng phó

- Trách nhiệm: Phòng Kỹ thuật – Vật tư; Phòng Tài chính – Kế toán; Đội chống thất thoát; Phân xưởng nước sạch; Nhóm Cấp nước an toàn Công ty.

- Nội dung công việc: Cô lập khu vực bị sự cố khỏi hệ thống để không gây ảnh hưởng đến các khu vực khác; dự trữ nhân lực, thiết bị vật tư xử lý sự cố; chuẩn bị các phương án dự phòng.

e) Xử lý sự cố, khôi phục và cung cấp ổn định cho khách hàng sử dụng nước về chất lượng nước, áp lực, lưu lượng và tính liên tục theo các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật áp dụng và các quy định riêng của hợp đồng dịch vụ cấp nước đã ký kết

- Trách nhiệm: Phòng Kỹ thuật – Vật tư; Phòng Kế hoạch – Kinh doanh; Đội chống thất thoát; Phân xưởng nước sạch.

- Nội dung công việc: Thực hiện xử lý sự cố và giám sát; khôi phục, cung cấp ổn định cho khách hàng sử dụng theo tiêu chuẩn kỹ thuật.

f) Xác định hậu quả trước mắt và lâu dài

- Trách nhiệm: Phòng Kế hoạch – Kinh doanh; Phòng Kỹ thuật – Vật tư; Đội chống thất thoát; Phân xưởng nước sạch; Nhóm Cấp nước an toàn Công ty.

- Nội dung công việc: Kiểm tra các khu vực lân cận do tác động của sự cố gây ra; phân tích, đánh giá hậu quả.

g) Giải trình, báo cáo

- Trách nhiệm: Phòng Kỹ thuật – Vật tư; Phòng Tài chính – Kế toán; Phòng Kế hoạch – Kinh doanh; Đội chống thất thoát; Phân xưởng nước sạch; Nhóm Cấp nước an toàn Công ty.

- Nội dung công việc: Giải trình sự cố; lập hồ sơ sự cố; báo cáo chi tiết sự cố; lập hồ sơ khối lượng thực hiện xử lý sự cố; thanh quyết toán khối lượng thực hiện.

h) Lưu trữ thông tin, số liệu về sự cố và các biện pháp khắc phục

- Trách nhiệm: Phòng Kế hoạch – Kinh doanh; Phòng Kỹ thuật – Vật tư.

- Nội dung công việc: Lưu trữ hồ sơ sự cố; kiểm tra hồ sơ, các biên pháp khắc phục.

i) Đánh giá tổng thể sự cố và đề xuất các giải pháp phòng ngừa và xử lý các sự cố có thể xảy ra trong tương lai

- Trách nhiệm: Phòng Kế hoạch – Kinh doanh; Phòng Kỹ thuật – Vật tư; Đội chống thất thoát; Nhóm Cấp nước an toàn Công ty.

- Nội dung công việc: Phân tích, đánh giá nguyên nhân; phân tích, đánh giá các biện pháp khắc phục sự cố; phân tích, đánh giá hậu quả; đưa ra các biện pháp ngăn ngừa sự cố không lặp lại; báo cáo các cơ quan chức năng (nếu có).

6. Xây dựng các tiêu chí, các chỉ số giám sát và giới hạn kiểm soát để đánh giá việc triển khai thực hiện kế hoạch cấp nước an toàn

a) Chất lượng nước sử dụng cho mục đích ăn uống, sinh hoạt và các mục đích khác

Thực hiện kiểm tra, giám sát, đánh giá định kỳ thường xuyên các chỉ tiêu chất lượng nước theo quy định tại Thông tư số 41/2018/TT-BYT ngày 14/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia và quy định kiểm tra, giám sát chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt QCVN 01-1:2018/BYT; Thông tư số 26/2021/TT-BYT ngày 15/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Y tế sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ một số điều của Thông tư số 41/2018/TT-BYT của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia và quy định kiểm tra, giám sát chất lượng nước sử dụng cho mục đích sinh hoạt; Quy chuẩn kỹ thuật địa phương QCĐP 01:2022/YB ban hành kèm theo Quyết định số 23/2022/QĐ-UBND ngày 06/10/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Yên Bái.

b) Các tiêu chuẩn, quy chuẩn chất lượng dịch vụ cấp nước theo quy định

- Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11/7/2007 của Chính phủ về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch; Nghị định số 124/2011/NĐ-CP ngày 28/12/2011 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11/7/2007 của Chính phủ về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch.

- Thông tư số 01/2008/TT-BXD ngày 02/01/2008 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11/7/2007 của Chính phủ.

- Thông tư số 41/2018/TT-BYT ngày 14/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia và quy định kiểm tra, giám sát chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt QCVN 01-1:2018/BYT; Thông tư số 26/2021/TT-BYT ngày 15/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Y tế sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ một số điều của Thông tư số 41/2018/TT-BYT của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia và quy định kiểm tra, giám sát chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt.

- Quyết định số 23/2022/QĐ-UBND ngày 06/10/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái ban hành Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Yên Bái (Ký hiệu QCDP 01:2022/YB).

c) Các yêu cầu về quản lý chất lượng

- Hoạch định việc tạo sản phẩm: Công ty lập kế hoạch và triển khai các quá trình cần thiết để cung cấp sản phẩm và dịch vụ. Đảm bảo tính nhất quán với các yêu cầu của các quá trình của hệ thống quản lý chất lượng.

- Quá trình liên quan đến khách hàng: Đáp ứng yêu cầu của khách hàng là công việc quan trọng nhất, do đó Công ty thiết lập và duy trì một quy trình bằng văn bản để thực hiện và xem xét việc hợp đồng đảm bảo sản phẩm và dịch vụ đáp ứng các yêu cầu của khách hàng.

Phòng Kế hoạch – Kinh doanh chịu trách nhiệm phối hợp với các đơn vị trong việc trao đổi thông tin với khách hàng, kể cả việc sửa đổi hợp đồng. Bất kỳ sự sửa đổi nào trong hợp đồng phải được xác nhận, xem xét và thông báo đến các đơn vị có liên quan.

- Mua hàng: Giao cho phòng Kỹ thuật – Vật tư chịu trách nhiệm thiết lập và duy trì một quy trình bằng văn bản cho việc mua hàng để đảm bảo rằng tất cả hàng hoá mua vào đều phù hợp với yêu cầu mua hàng đã quy định và các nhà cung cấp được đánh giá, chọn lựa và quản lý một cách phù hợp. Bộ phận kiểm tra có trách nhiệm phối hợp với cán bộ mua vật tư thực hiện việc kiểm tra chấp nhận đối với hàng hoá mua vào phù hợp với nhu cầu mua hàng (đặc tính kỹ thuật).

- Sản xuất và cung cấp dịch vụ: Phòng Kỹ thuật – Vật tư có trách nhiệm đảm bảo việc cung cấp sản phẩm, dịch vụ được lập kế hoạch và kiểm soát việc thực hiện.

- Đo lường, phân tích và cải tiến: Công ty luôn mong muốn cải tiến để đáp ứng sự mong đợi của khách hàng, các hoạt động dưới đây chứng minh điều này:

+ Thực hiện việc kiểm tra để xác nhận sự phù hợp của sản phẩm.

+ Sử dụng kỹ thuật thống kê trong phân tích số liệu về nhà cung cấp, chất lượng trong sản xuất, cung cấp dịch vụ, phản nản của khách hàng để chỉ ra sự cố và qua đó nghiên cứu để đưa ra hành động khắc phục, phòng ngừa.

+ Thực hiện đánh giá chất lượng nội bộ thường xuyên để xem xét hệ thống quản lý chất lượng của Công ty, chỉ ra những điểm không phù hợp và từ đó đưa ra hành động khắc phục phòng ngừa.

+ Thực hiện xem xét của Lãnh đạo để đảm bảo hệ thống quản lý chất lượng của Công ty hoạt động có hiệu quả.

7. Quản lý cơ sở dữ liệu có liên quan về cấp nước an toàn

a) Lập danh mục các văn bản, tài liệu và các thông tin liên quan đến công tác cấp nước an toàn

- Quyết định số 1566/QĐ-TTg ngày 09/8/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình Quốc gia bảo đảm cấp nước an toàn giai đoạn 2016-2025.

- Chỉ thị số 34/CT-TTg ngày 28/8/2020 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường công tác quản lý hoạt động sản xuất, kinh doanh nước sạch, bảo đảm cấp nước an toàn, liên tục.

- Thông tư số 08/2012/TT-BXD của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn thực hiện bảo đảm cấp nước an toàn.

- Kế hoạch số 138/KH-UBND ngày 29/6/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái Cấp nước an toàn, chống thất thoát, thất thu nước sạch trên địa bàn tỉnh Yên Bái giai đoạn 2021-2025.

b) Xây dựng hệ thống và quy trình kiểm soát tài liệu: Gồm 07 bước, cụ thể:

Bước 1: Yêu cầu soạn thảo sửa đổi.

Bước 2: Xem xét yêu cầu.

Bước 3: Người được phân công thực hiện lập mới hoặc sửa đổi thông tin.

Bước 4: Trưởng bộ phận xem xét.

Bước 5: Ban Giám đốc - Phê duyệt.

Bước 6: Ban hành và cập nhật vào danh mục kiểm soát tài liệu nội bộ.

Bước 7: Phân phối tài liệu đến các cá nhân, tổ chức liên quan và thực hiện quy trình lưu hồ sơ.

c) Lập hệ thống quản lý hồ sơ và hỗ trợ lưu giữ hồ sơ

Lưu giữ hồ sơ, quản lý tài liệu để tiến hành đánh giá độc lập hoặc tra cứu, cung cấp thông tin kịp thời khi có sự cố xảy ra đối với hệ thống cấp nước: Ban Cấp nước an toàn Công ty lưu trữ tổng hợp hồ sơ, tài liệu theo quy trình nội bộ.

d) Lập kế hoạch định kỳ rà soát các văn bản, tài liệu và chỉnh sửa khi cần thiết Định kỳ hàng quý, 6 tháng, 01 năm hoặc bất thường thực hiện công tác rà soát các văn bản tài liệu liên quan về hệ thống cấp nước; kế hoạch cấp nước an toàn cho các hạng mục công trình thuộc hệ thống mạng lưới cấp nước, tiêu thụ nước và chỉnh sửa khi cần thiết.

đ) Lưu giữ hồ sơ, quản lý tài liệu để tiến hành đánh giá độc lập hoặc tra cứu, cung cấp thông tin kịp thời khi có sự cố xảy ra đối với hệ thống cấp nước: Ban Cấp nước an toàn Công ty lưu trữ tổng hợp hồ sơ, tài liệu theo quy trình nội bộ.

e) Xây dựng cơ chế tiếp nhận và xử lý kịp thời các khiếu nại của khách hàng hoặc cộng đồng

Thực hiện tiếp nhận phân loại ý kiến → Phiếu yêu cầu xử lý khiếu nại → Xem xét phân tích nguyên nhân → Đề ra biện pháp và trách nhiệm xử lý → Duyệt → Chuyển các bộ phận liên quan → Ý kiến của khách hàng sau xử lý → Thực hiện theo dõi và đánh giá kết quả xử lý → Lưu trữ hồ sơ.

8. Lập các chương trình hỗ trợ và kế hoạch triển khai

a) Chương trình bảo dưỡng phòng ngừa, nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống cấp nước, tăng tuổi thọ phục vụ của các công trình và thiết bị, ngăn ngừa và giảm thiểu rủi ro, sự cố

- Bảo dưỡng, bảo trì định kỳ, thường xuyên máy bơm, thiết bị nhà máy nước, kế hoạch thực hiện: Định kỳ hàng quý.

- Nâng công suất nhà máy nước Yên Bình - Yên Bái từ 16.500 m³/ngày đêm lên 30.000 m³/ngày đêm.

- Thay thế các tuyến ống cũ, hỏng (giảm tỷ lệ thất thoát nước):

+ Thay thế tuyến ống thép tráng kẽm DN 100 đường Điện Biên bằng ống nhựa HDPE DN 110 với tổng chiều dài L = 1.105 m.

+ Thay thế tuyến ống thép tráng kẽm DN 100 đường Lý Thường Kiệt bằng ống nhựa HDPE DN 110 với tổng chiều dài L = 806 m.

+ Thay thế tuyến ống nhựa HDPE DN 110 đường Trần Phú với tổng chiều dài L = 1.358 m.

+ Thay thế tuyến ống nhựa HDPE DN 110 từ km14 đến KCN Phía Nam với tổng chiều dài L = 2.500 m.

+ Thay thế tuyến ống nhựa HDPE DN 110 đường Đại Đồng (đoạn triết nạp ga Tân Bình đến ngã 3 Km10) với tổng chiều dài L = 1.000 m.

+ Thay thế tuyến ống nhựa HDPE DN 90 đường Điện Biên (ngã 5 Cao Lanh đến ngã 4 Cao Thắng) với tổng chiều dài L = 500 m.

+ Thay thế tuyến ống nhựa HDPE DN 90 đường Trần Phú với tổng chiều dài L = 1000 m.

+ Thay thế tuyến ống thép tráng kẽm DN 50 đường Trần Hưng Đạo (đoạn từ vườn hoa Hồng Hà đến trạm công tác trên tàu) bằng ống nhựa HDPE DN 63 với tổng chiều dài L = 700 m.

+ Thay thế tuyến ống thép tráng kẽm DN 50 đại Lộ Nguyễn Thái Học (Ngã 5 Cao Lanh đến đường sắt cắt ngang) bằng ống nhựa HDPE DN 63 với tổng chiều dài L = 1200 m.

+ Thay thế tuyến ống thép tráng kẽm DN 40 đường Lê Văn Tám bằng ống nhựa HDPE DN 40 với tổng chiều dài L = 200 m.

+ Thay thế tuyến ống thép và khởi thủy DN 32-25 đường Yên Ninh bằng ống nhựa HDPE DN 50+63 với tổng chiều dài L = 3.000 m.

+ Thay thế tuyến ống thép và khởi thủy DN 32-25 đường Thanh Niên bằng ống nhựa HDPE DN 40 với tổng chiều dài $L = 1.500$ m.

+ Thay thế tuyến ống thép và khởi thủy DN 32-25 đường Yên Bái – Khe Sang bằng ống nhựa HDPE DN 50+63 với tổng chiều dài $L = 2.900$ m.

+ Thay thế tuyến ống thép và khởi thủy DN 32-25 đường Hòa Bình bằng ống nhựa HDPE DN 50+63 với tổng chiều dài $L = 1.560$ m.

- Mua sắm vật tư, trang thiết bị phục vụ công tác chống thất thoát, thất thu nước sạch.

- Bảo dưỡng, thay thế các thiết bị máy móc tại nhà máy nước. Lắp đặt hệ thống tủ điện và giám sát nhà máy.

- Thay thế các đồng hồ quá 5 năm sử dụng (8.000 cụm đồng hồ DN15).

- Đấu nối lại cho các hộ dân sau khi thay đường trục (4.135 cụm đồng hồ DN15).

b) Chương trình đánh giá độc lập để kiểm tra việc thực hiện kế hoạch cấp nước an toàn.

- Kiểm tra chất lượng nước thô: Áp dụng theo QCVN 08:2023/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt ban hành kèm theo Thông tư số 01/2023/TT-BTNMT ngày 13/3/2023 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; kế hoạch thực hiện: 06 tháng/lần.

- Kiểm tra nước sạch sau xử lý: Kiểm tra các chỉ tiêu chất lượng nước sạch theo QCVN 01-1:2018/BYT; QCĐP 01:2022/YB, gồm:

+ Thử nghiệm định kỳ: Tần suất thử nghiệm định kỳ đối với 8 thông số chất lượng nước sạch nhóm A - QCĐP không ít hơn 01 lần/1 tháng. Tần suất thử nghiệm định kỳ đối với 24 thông số chất lượng nước sạch nhóm B - QCĐP không ít hơn 01 lần/6 tháng.

+ Đơn vị tiến hành thử nghiệm toàn bộ 99 thông số chất lượng nước sạch trong danh mục các thông số chất lượng nước sạch quy định tại Điều 4 Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt (QCVN 01-1:2018/BYT) ban hành theo Thông tư số 41/2018/TT-BYT trong các trường hợp sau:

(1) Trước khi đi vào vận hành lần đầu.

(2) Sau khi nâng cấp, sửa chữa lớn có tác động đến hệ thống sản xuất.

(3) Khi có sự cố về môi trường có nguy cơ ảnh hưởng đến chất lượng nước sạch.

(4) Khi xuất hiện rủi ro trong quá trình sản xuất có nguy cơ ảnh hưởng đến chất lượng nước sạch hoặc khi có yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

(5) Định kỳ 03 năm 1 lần thử nghiệm toàn bộ 99 thông số trong QCVN 01-1:2018/BYT kể từ lần thử nghiệm toàn bộ các thông số gần nhất.

c) Chương trình đào tạo, tập huấn, nâng cao nhận thức, nâng cao trình độ tay nghề của đội ngũ cán bộ và công nhân về cấp nước an toàn

Hàng năm có kế hoạch đào tạo nâng cao tay nghề cho công nhân vận hành, công nhân kỹ thuật của tất cả nhà máy, xí nghiệp và các bộ phận chăm sóc khách hàng, ngoài ra tham gia các lớp tập huấn, hội thảo về lĩnh vực cấp nước.

d) Chương trình tuyên truyền giáo dục, nâng cao nhận thức của cộng đồng về bảo vệ nguồn nước, sử dụng nước tiết kiệm và an toàn

- Tuyên truyền ngày môi trường Thế giới; Tuyên truyền bảo vệ nguồn nước, sử dụng tiết kiệm như treo Panô – Áp phích, diễu hành, tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng.

- Tổ chức tuyên truyền, giáo dục tới các trường Tiểu học, Trung học cơ sở, Trung học phổ thông và tổ chức tham quan quy trình sản xuất nước tại phân xưởng nước sạch.

9. Xây dựng kế hoạch đánh giá kết quả thực hiện cấp nước an toàn; đề xuất, kiến nghị điều chỉnh kế hoạch cấp nước an toàn cho giai đoạn tiếp theo

Để đảm bảo cấp nước an toàn trong toàn hệ thống, các bộ phận trong quá trình thực hiện công việc được giao gửi đề xuất, kiến nghị về Ban Cấp nước an toàn Công ty nhằm nâng cao hiệu quả của kế hoạch:

- Nếu có sự cố lớn phải báo cáo ngay với Ban Cấp nước an toàn Công ty để xin ý kiến chỉ đạo.

- Hàng tháng các bộ phận được phân công phụ trách tổng hợp gửi về phòng Kỹ thuật của Công ty.

- Hàng quý các bộ phận được phân công phụ trách gửi báo cáo về Ban Cấp nước an toàn Công ty.

- Đánh giá tổng kết các nhiệm vụ được giao và thực hiện.

- Ban Cấp nước an toàn Công ty trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc tiến hành đề xuất, đề nghị điều chỉnh kế hoạch cấp nước an toàn gửi Ban Chỉ đạo cấp nước an toàn và chống thất thoát, thất thu nước sạch tỉnh (Sở Xây dựng tỉnh Yên Bái).

10. Đầu tư phát triển nguồn cung cấp nước sạch và mở rộng mạng lưới cấp nước khu vực đô thị

- Đầu tư nâng cấp Nhà máy nước Yên Bình từ công suất 16.500 m³/ngày đêm lên công suất 30.000 m³/ngày đêm (cung cấp nước sạch cho thành phố Yên Bái và thị trấn Yên Bình); Nhà máy do Công ty cổ phần Cấp nước và Xây dựng Yên Bái quản lý, vận hành, khai thác.

- Sửa chữa, cải tạo hệ thống đường ống cấp nước hiện có để giảm tỷ lệ thất thoát nước.

- Đầu tư mở rộng hệ thống đường ống cung cấp nước sạch cho các khu vực chưa được cung cấp nước sạch tập trung.

11. Kinh phí thực hiện

Kinh phí thực hiện Kế hoạch Cấp nước an toàn do đơn vị cấp nước lập (một phần được đơn vị trích từ vốn khấu hao hằng năm của Công ty; phần còn lại đơn vị sử dụng vốn vay để thực hiện kế hoạch cấp nước an toàn theo từng giai đoạn) và được tính vào chi phí sản xuất chung trong giá tiêu thụ nước sạch được thẩm định và phê duyệt theo quy định./.